

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HS-PT

Ngày 14-6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Thẩm phán: Ông Trần Hữu Hiệu và bà Đoàn Thị Hương Nhu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Vững - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 150/2021/TLPT-HS ngày 09 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo Trần Văn K và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Hải Dương đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 99/2021/HS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Văn K (tên gọi khác: *Trần Văn Th*), sinh năm 1971, tại Hải Phòng; nơi đăng ký thường trú: số 7/635 H, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lái tàu thủy; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam; con ông Trần Văn Tr và bà Lại Thị V; có vợ là Đỗ Thanh H và có hai con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 26/12/2018 đến ngày 07/6/2019 được hủy bỏ biện pháp tạm giam, thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh. Bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 15/7/2019 đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Văn T, sinh năm 1987, tại Hải Phòng; nơi đăng ký thường trú: thôn N, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Thủy thủ; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V

Nam; con ông Nguyễn Văn N và con bà Đỗ Thị M; có vợ là Bùi Thị D và có một con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 26/12/2018 đến ngày 07/6/2019 được hủy bỏ biện pháp tạm giam thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 15/7/2019 đến nay; có mặt.

- *Bị cáo bị kháng nghị: Lê Văn T1*, sinh năm 1972, tại Hải Dương; nơi đăng ký thường trú, nơi ở: khu dân cư T, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam; con ông Lê Văn M và bà Hoàng Thị T2; có vợ là Hoàng Thị L và có hai con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1999; tiền sự: Không;

Tiền án: Tại Bản án số: 37/2018/HSST ngày 12/6/2018, Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh (*nay là thành phố Chí Linh*) xử phạt Lê Văn T1 32 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng về tội Đánh bạc, thời hạn tính từ ngày 12/6/2018.

Nhân thân:

+ Tại Bản án số: 04/2000/HSST ngày 26/01/2000, Tòa án nhân dân huyện Chí Linh xử phạt Lê Văn T1 9 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng về tội Đánh bạc.

+ Tại Bản án số: 22/2009/HSST ngày 16/01/2009, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt Lê Văn T1 32 tháng tù về tội Buôn lậu và tội Lưu hành các giấy tờ có giá giả khác.

+ Tại Quyết định xử lý vi phạm hành chính số: 195 ngày 17/10/2017 của Công an thị xã Chí Linh xử phạt T1 về hành vi Đánh bạc, bằng hình thức phạt tiền.

Bị cáo được tại ngoại; vắng mặt.

- *Bị cáo không kháng cáo; bị cáo có kháng cáo nhưng đã rút kháng cáo, Tòa án đã đình chỉ xét xử phúc thẩm:*

1. Nguyễn Đức Ch, sinh năm 1978, tại Thái Bình; nơi đăng ký thường trú: thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lái tàu thủy; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: V Nam; con ông Nguyễn Đức T và bà Đinh Thị M; có vợ là Bùi Thị N và có hai con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 26/12/2018 đến ngày 07/6/2019 được hủy bỏ biện pháp tạm giam, thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 15/7/2019; vắng mặt.

2. Trần Quang K2, sinh năm 1971, tại Hải Phòng; nơi đăng ký thường trú: số 81T, phường H, quận H, TP.Hải Phòng; nghề nghiệp: thủy thủ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: V Nam; con ông Trần Xuân Ng và bà Vũ Thị L; có vợ là Nguyễn Thị T và có hai con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 26/12/2018 đến ngày 07/6/2019 được hủy bỏ biện pháp tạm giam, thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 15/7/2019; vắng mặt.

3. Trần Quang L, sinh năm 1996, tại Quảng Bình; nơi đăng ký thường trú: đường L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: thủy thủ; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: V Nam; con ông Trần Mạnh P và bà Bùi Thị X; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 26/12/2018 đến ngày 07/6/2019 được hủy bỏ biện pháp tạm giam, thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 15/7/2019; vắng mặt.

4. Ma Khắc V, sinh năm 1997, tại Thái Nguyên; nơi đăng ký thường trú: xóm Đ, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: thủy thủ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: V Nam; con ông Ma Khắc T và bà Ma Thị Kh; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 26/12/2018 đến ngày 07/6/2019 được hủy bỏ biện pháp tạm giam, thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh. Bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 15/7/2019; vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn K*: Ông Đặng Văn H4 - Luật sư, Công ty Luật TNHH Hà Nội VDT thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội; địa chỉ: Số nhà X, ngõ Y, đường Q, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- *Bị hại*: Công ty cổ phần vận tải thủy số 4; địa chỉ: Số 436 H, quận H, thành phố Hải Phòng. Người đại diện hợp pháp là: ông Trần Thanh B - Chức vụ: Giám đốc. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, Tập đoàn Công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam ký hợp đồng số 110HĐVC/TKV-VIVASO thuê bên vận chuyển là Tổng công ty vận tải thủy - CTCP vận chuyển than đến bán cho Công ty Cổ phần nhiệt điện Phả Lại theo hợp đồng mua bán giữa Tập đoàn công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam và Công ty Cổ phần nhiệt điện Phả Lại bằng phương tiện

thủy nội địa. Ngày 31/5/2018, Tổng công ty vận tải thủy - CTCP ký hợp đồng số 01HĐVC/TCT-CT4 thuê Công ty Cổ phần vận tải thủy số 4 có địa chỉ tại số 436, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng vận chuyển số than nêu trên đến giao cho Công ty Cổ phần nhiệt điện Phả Lại. Thực hiện hợp đồng vận chuyển nêu trên ngày 05/12/2018, Công ty cổ phần vận tải thủy số 4 điều động tàu đẩy TĐ96-4 số ĐKHC: H1-3200 gồm 04 sà lan SĐ 417 số ĐKHC: HP3201, SĐ 418 số ĐKHC:HP3202, SĐ 419 số ĐKHC:HP3203, SĐ 420 số ĐKHC:HP3204 đến cảng Làng Khánh - Hòn Gai để nhận than vận chuyển đến Công ty Cổ phần nhiệt điện Phả Lại, các thuyền viên trên tàu TĐ96-4 nhận nhiệm vụ vận chuyển than gồm có Trần Văn K (*tên gọi khác: Trần Văn Th*) thuyền trưởng, Nguyễn Đức Ch thuyền phó, Nguyễn Văn T máy trưởng, Trần Quang K2 thủy thủ, Trần Quang L thủy thủ, Ma Khắc V thợ máy. Theo Hóa đơn giá trị gia tăng số 0015155 ngày 09/12/2018 của Công ty kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin (*Chi nhánh của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam*) xuất cho Công ty Cổ phần nhiệt điện Phả Lại thì tổng khối lượng than là 2.360,5 tấn than cám 5a.1. Số than này được chuyển xuống 04 sà lan của tàu đẩy TĐ96-4 với khối lượng cụ thể: sà lan SĐ 417-4 là 593.25 tấn, SĐ 418-4 là 594.08 tấn, SĐ 419-4 là 591.44 tấn, SĐ 420-4 là 581.73 tấn. Việc xác định khối lượng than bàn giao trên tàu căn cứ vào mớn nước của tàu. Sau khi nhận đủ khối lượng than trên, K, Ch, T, K2, L, V tiến hành kéo bật che kín than trên 04 sà lan rồi luồn dây cáp kéo cố định đầu bật lại. Sau đó, đại diện Công ty kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin, đại diện Công ty Cổ phần giám định Vinacomin và đại diện đơn vị vận chuyển cùng tiến hành niêm phong số lượng than trên 04 sà lan bằng cách kẹp chì các đầu dây cáp của bật che than, lập biên bản về việc niêm phong. Theo quy định của Công ty cổ phần tàu thủy số 4, sau khi nhận than, thuyền trưởng, thuyền phó và các thuyền viên trên tàu có trách nhiệm quản lý, bảo quản than trong suốt quá trình vận chuyển; nếu mất mát, hư hỏng phải bồi thường.

Trần Văn K trước đó có quen biết với Lê Văn T1 và biết gia đình T1 có bãi vật liệu ven sông ở Bãi Bình, khu dân cư Trụ Thượng, phường Đồng Lạc, thành phố Chí Linh (*bãi thuộc quản lý của công Ty TNHH Thái Tân Thịnh do chị Hoàng Thị L, sinh năm 1972, trú tại: khu dân cư T, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương là vợ của T1 làm Giám đốc công ty*). K và T1 đã thỏa thuận với nhau khi nào K vận chuyển than cho Công ty đến giao cho Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại đi qua bãi ven sông của T1, K sẽ lấy bán cho T1. Sau khi nhận than tại cảng Làng Khánh, trên đường vận chuyển do thấy thời tiết mưa nhiều nên K nảy sinh ý định chiếm đoạt một phần than được giao vận chuyển bán cho T1 lấy tiền chi tiêu chung trên tàu. Khoảng 8 giờ ngày 12/12/2018 khi K điều khiển tàu đến khu vực phao nổi sông Kinh Thầy cách vị trí cầu Bình

khoảng 500m, K sử dụng số điện thoại 0912.259.354 gọi cho T1 nhưng không liên lạc được nên K gọi vào số máy 0913.511.186 (*số điện thoại của chị L vợ T1*) thì T1 nghe máy, K nói “có ít hàng bán đây”, T1 hiểu ý là có than bán, T1 đồng ý mua và bảo K tối cho tàu vào bãi, K và T1 thỏa thuận giá bán là 800.000 đồng/1 tấn. Khoảng 18 giờ cùng ngày, K gặp Ch, nói với Ch “tối làm hàng” ý nói là tối lấy than để bán (*K không nói rõ việc bán cho ai, giá cả bán, số lượng than sẽ lấy, cách thức ăn chia như thế nào*). Ch đồng ý. Sau đó Ch đi nói lại với T, V, L, K2 về việc tối lấy than bán, các thuyền viên đều đồng ý. Lê Văn T1 sau khi thống nhất mua than của K, T1 sử dụng số điện thoại 0913.511.186 gọi vào số điện thoại 0778.282.339 của ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1957, trú tại: Khu dân cư Trụ Thượng, phường Đồng Lạc, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương (*là nhân viên của công ty TNHH Thái Tân Thịnh*) nói “chú gọi quân đêm nay 03 giờ 30 phút ra đi làm có hàng về”. Ông Đ gọi điện thoại thông báo cho những người làm thuê cho Công ty TNHH Thái Tân Thịnh gồm các anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1987 (*lái xe tải*), anh Nguyễn Văn Th1, sinh năm 1966 (*lái máy xúc*), anh Hoàng Văn C, sinh năm 1966 (*người quét dọn*) và Nguyễn Văn Ch2, sinh năm 1972 (*người quét dọn*), đều trú tại phường Tân Dân, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương đêm đến làm.

Khoảng 02 giờ ngày 13/12/2018, khi Ch, T, V, L, K2 đang ngủ thì K gọi “dậy làm hàng” (*ý là dậy lấy than bán*), Ch nói với T, V, L, K2 “anh em chuẩn bị làm hàng”. K điều khiển tàu vào bãi tập kết của Công ty TNHH Thái Tân Thịnh để lấy than bán cho T1. T1 điều khiển xe ô tô BKS: 29A-978.57 (*xe của anh Mạc Đình K2, sinh năm 1975, trú tại: số nhà 8B, tập thể Quân Đội, tổ 43, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội là chủ sở hữu*) đi ra bãi gặp Đ, chưa thấy ai ra làm, T1 dùng điện thoại số 0904.371.228 gọi điện thoại vào số 0982.645.664 của anh S, bảo anh S ra bãi lái xe ô tô chở than, sau đó có Th1, Ch2, C cũng đến bãi. T1 phân công Đ ghi số lượng than cân được; Th1 lái máy xúc xúc than từ sà lan đổ lên xe ô tô tải; S điều khiển 2 xe tải chở than vào bãi; Ch và C dọn dẹp tại bãi. Khoảng 2 giờ 30 phút khi K điều khiển tàu áp sát vào bãi, Ch, T, K2, L, V cùng nhau tháo kẹp chì, dỡ bạt, tháo dây cáp và giằng tàu vào bờ. Th1 điều khiển xúc nhãn hiệu KOMATSU, Model: PC 200-3 (*máy của anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1979, trú tại: Khu dân cư Tr, phường T, thành phố C là chủ sở hữu*) xúc than tại các sà lan SĐ 417-4, SĐ 418, SĐ 419, SĐ 420 theo sự chỉ dẫn của Ch đổ lên 02 chiếc xe ô tô tải BKS: 34C-00221 (*là xe của anh Nguyễn Văn L5, sinh năm 1960, trú tại: khu dân cư Nội, phường Tân Dân, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương là chủ*) và xe 34C-038.40 (*là xe của Công ty TNHH MTV Hoàng Thành do anh Hoàng Văn L6, sinh năm 1970, trú tại: khu dân cư Trần Hưng Đạo, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh làm giám đốc*) do S điều khiển, S chở than vào bến đưa lên vị trí cân điện tử do Đ và T giám sát cân, Đ ghi lại trọng

lượng than sau đó S tiếp tục điều khiển xe chở than đổ vào bãi, đến khoảng 4 giờ 30 phút cùng ngày khi các đối tượng chiếm đoạt được 9 chuyến xe tổng trọng lượng than 100.740 kg thì bị Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Hải Dương phát hiện, thu giữ: 01 tàu đẩy TĐ96-4 số ĐKHC: H1-3200 gồm 04 sà lan SĐ 417 số ĐKHC: HP3201, SĐ 418 số ĐKHC:HP3202, SĐ 419 số ĐKHC:HP3203, SĐ 420 số ĐKHC:HP3204 có chứa than, được phủ bạt xanh đã bị phá kẹp chì, không kiểm tra chất lượng than (*đã được niêm phong*) và các giấy tờ liên quan; 08 kẹp chì có đặc điểm bằng nhựa, màu trắng, dạng hình chìa khóa có in nổi dòng chữ TKV, một đầu gắn dây thép khoảng 10 cm bị cắt đứt, có số thứ tự trên mỗi kẹp chì là 102524, 102525, 102526, 102527, 102528, 102529, 102530, 102531; 01 máy xúc nhãn hiệu KOMATSU 200-3, không có biển kiểm soát, đã qua sử dụng; 01 xe ô tô tải màu vàng, nhãn hiệu Dongfeng, BKS: 34C-038.40, đã qua sử dụng; 01 xe ô tô tải màu vàng, nhãn hiệu Dongfeng, BKS: 34C-002.21, phía trước đầu xe có dòng chữ, CÔNG TY THÀNH ĐẠT, đã qua sử dụng; 01 cân điện tử loại cân 16 tấn gồm (*01 bàn cân bằng kim loại; 01 bảng điện tử báo số cân; 01 bảng led điện tử báo số cân ở trong phòng điều hành trạm cân, đã qua sử dụng*); 01 máy vi tính (*màn hình nhãn hiệu LG 16 inch, máy vi tính nhãn hiệu Viettach; 01 bàn phím, 01 con chuột*); 01 máy in nhãn hiệu canon màu trắng ký hiệu L 11121E cùng các thiết bị kết nối; 01 xe ô tô con màu đen loại 7 chỗ, nhãn hiệu TOYOTA, BKS: 29A-978.57; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc mang tên Mạc Đình K2; 01 giấy chứng nhận kiểm định ANKT và BVMT; 01 điện thoại di động loại Nokia 216, màu xanh, trong máy không có sim (*thu của Lê Văn T1*); 01 điện thoại Iphone 6 S plus, màu hồng, bên trong lắp sim số 0904.371.288 (*thu của Lê Văn T1*); 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy J7 màu vàng, bên trong lắp thẻ sim số 0778.282.339 (*thu của Nguyễn Văn Đ*); 01 USB nhãn hiệu kingston, màu đỏ, dung lượng 8 GB; 01 tờ giấy kẻ ô ly, kích thước 16x23 cm có ghi chữ và số tự nhiên, tại góc bên phải có dòng chữ “KLONG” bằng mực đỏ, có ký tên xác nhận Nguyễn Văn Đ; 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A37, màu vàng, bên trong lắp sim số 0912.295.354 (*thu của Trần Văn K*); 01 điện thoại Nokia 6310 I, màu trắng, bên trong lắp sim số 0982.645.665 (*thu của Nguyễn Văn S*); 100 tấn 740 kg than cám 5a.1; 01 bằng thuyền trưởng phương tiện thủy nội địa mang tên Trần Văn K; 01 bằng thuyền trưởng phương tiện thủy nội địa mang tên Nguyễn Đức Ch; 01 giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng phương tiện thủy mang tên Nguyễn Văn T; 01 giấy chứng chỉ chuyên môn phương tiện TND mang tên Trần Quang L; 01 chứng chỉ chuyên môn phương tiện TND mang tên Trần Tiến Công; 01 chứng chỉ chuyên môn thủy thủ mang tên Nguyễn Duy V; 01 chứng chỉ chuyên môn thợ máy phương tiện thủy mang tên Lại Văn Ngọc; 01 giấy chứng chỉ chuyên

môn thủ thủy mang tên Phạm Bá Hùng; 01 Biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0065255.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 3540/KL-HĐĐG ngày 20/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương xác định: Tổng giá trị 100.740 kg (*Một trăm tấn bảy trăm bốn mươi kilogam*) than cám loại 5a.1 Hòn Gai là 184.616.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 99/2021/HSST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Hải Dương đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn K, Nguyễn Đức Ch, Trần Quang K2, Nguyễn Văn T, Trần Văn L, Ma Khắc V và Lê Văn T1 phạm tội Tham ô tài sản. Căn cứ điểm d khoản 2 và khoản 6 Điều 353 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo K 8 năm 6 tháng tù, được trừ 5 tháng 13 ngày bị tạm giam. Xử phạt bị cáo Ch, T, K2, L và V; mỗi bị cáo 07 năm 09 tháng tù, được trừ 5 tháng 13 ngày bị tạm giam. Xử phạt bị cáo Tân 7 năm tù về tội Tham ô tài sản; tổng hợp với 32 tháng tù cho hưởng án treo tại Bản án số: 37/2018/HSST ngày 12/6/2018 của Tòa án nhân dân thị xã C, buộc bị cáo Lê Văn T1 phải chấp hành chung là 9 năm 8 tháng tù. Ngoài ra, bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Trần Văn K, Nguyễn Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo Nguyễn Đức Ch, Trần Quang K2 có kháng cáo nhưng đã rút đơn kháng cáo trước khi mở phiên tòa phúc thẩm; Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Ch và K2.

Tại quyết định kháng nghị số: 03/QĐ-VKS-CL ngày 13/10/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Hải Dương, đề nghị sửa bản án hình sự sơ thẩm, theo hướng tăng hình phạt tù đối với bị cáo Lê Văn T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo K giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Bị cáo T xin rút đơn kháng cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo K trình bày: Đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

- Đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo K và tất cả các bị cáo khác trong vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm, đề nghị Hội đồng xét xử: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo T. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo K; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm về phần quyết định hình phạt đối với bị cáo K. Đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C. Sửa bản án hình sự sơ

thẩm, tăng hình phạt đối với các bị cáo T1. Xử phạt bị cáo T1 từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù; tổng hợp với 32 tháng tù cho hưởng án treo tại Bản án số: 37/2018/HSST ngày 12/6/2018 của Tòa án nhân dân thị xã C; buộc bị cáo Lê Văn T1 phải chấp hành từ 10 năm 08 tháng đến 11 năm 02 tháng tù. Về án phí: Buộc các bị cáo K, T1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị cáo T1 vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt bị cáo T1 theo quy định tại Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C và kháng cáo của các bị cáo Trần Văn K, Nguyễn Văn T trong thời hạn luật định là kháng cáo hợp lệ, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, bị cáo T rút toàn bộ kháng cáo. Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo T.

[3] Căn cứ lời khai của bị cáo Trần Văn K, Nguyễn Văn T tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của chính các bị cáo và các bị cáo khác tại cấp sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị hại, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận định giá và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Thực hiện hợp đồng vận chuyển giữa Tổng công ty vận tải thủy và Công ty cổ phần vận tải thủy 4 để vận chuyển than của Tập đoàn công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam bán cho Công ty Cổ phần nhiệt điện Phả Lại. Ngày 05/12/2018, Công ty cổ phần vận tải thủy số 4 phân công Trần Văn K là thuyền trưởng, Nguyễn Đức Ch thuyền phó, Nguyễn Văn T máy trưởng, Trần Quang K2 thủy thủ, Trần Quang L thủy thủ, Ma Khắc V thợ máy nhận nhiệm vụ vận chuyển than. K biết rõ quyền hạn và trách nhiệm quản lý của thuyền trưởng đối với các thuyền viên cũng như tài sản trên tàu, nhưng K không thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ của thuyền trưởng theo quy định của pháp luật và nội quy của CTCP vận tải thủy số 4. Lợi dụng chức vụ là Thuyền trưởng, K gọi điện thỏa thuận bán than cho Lê Văn T1. Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 13/12/2018, khi tàu đẩy TĐ 96-4 do K điều khiển đi trên tuyến sông Kinh Thầy đến địa phận phường Đồng Lạc, TP.Chí Linh, tỉnh Hải Dương - Hải Dương. K chỉ đạo thành viên trên tàu gồm Ch, T, K2, L, V, thả neo dừng tàu, tháo kẹp chì, mở bạt che than của 04 sà lan, ép sát tàu vào bờ để T1 cho máy xúc và xe ô tô chở than lên bãi của gia đình T1. Đến khoảng 04 giờ 30 phút, khi các đối tượng đang xúc than lên bãi thì bị Phòng cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Hải Dương kiểm tra phát hiện, thu giữ tổng số than các bị cáo chiếm đoạt được là 100,740 tấn than cám loại 5a.1, trị giá là 184.616.000 đồng. Hành vi của bị cáo K và các đồng

phạm đã đủ yếu tố cấu thành tội Tham ô tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo K, Ch, T, K2, L, V, T1 về tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Về tội danh các bị cáo không kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân không kháng nghị.

[4] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố C đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Lê Văn T1 thì thấy: Trong vụ án này, bị cáo T1 không phải là người được giao quản lý tài sản, không có quyền hạn đối với tài sản. Bị cáo là người không có chức vụ nên cấp sơ thẩm xác định bị cáo T1 là đồng phạm giúp sức và giữ vai trò cuối cùng trong vụ án và quyết định mức hình phạt thấp hơn các bị cáo khác là có căn cứ. Do vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố C không có căn cứ chấp nhận.

[5] Người bào chữa đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn cho bị cáo K, thì thấy: Các bị cáo đã vận chuyển số than từ tàu đẩy TĐ-4 lên bến bãi của gia đình bị cáo T1. Như vậy, các bị cáo đã chiếm đoạt được tài sản trị giá là 184.616.000 đồng nên Tòa án không chấp nhận đề nghị của người bào chữa.

[6] Xét kháng cáo của bị cáo K xin giảm nhẹ hình phạt thì thấy: Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án. Bị cáo K và các bị cáo khác Ch, T, K2, L, V đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, người bị hại nhiều lần đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo K có thành tích xuất sắc được khen thưởng. Bị cáo T1 đã lập công giúp cơ quan điều tra Công an thành phố Chí Linh phát hiện tội phạm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo nên bị cáo T1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đều được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, tài sản tham ô đã được thu hồi trả cho bị hại. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo K 08 năm 06 tháng; các bị cáo Ch, T, K2, L, V mỗi bị cáo 07 năm 09 tháng tù, bị cáo Tân 07 năm tù là có phần nghiêm khắc. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo K, giảm một phần hình phạt cho bị cáo K. Đồng thời Tòa án giảm một phần hình phạt cho các bị cáo khác không có kháng cáo hoặc có kháng cáo nhưng đã rút đơn kháng cáo để thể hiện sự nhân đạo và khoan hồng của pháp luật.

[7] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị mà Hội đồng xét xử không xem xét có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

2. Không chấp nhận Kháng nghị số: 03/QĐ-VKS-CL ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

3. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn K.

4. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 99/2021/HSST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương về phần hình phạt đối với các bị cáo Trần Văn K, Nguyễn Đức Ch, Nguyễn Văn T, Trần Quang K2, Trần Quang L, Ma Khắc V và Lê Văn T1.

- Căn cứ điểm d khoản 2, khoản 6 Điều 353; các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, 38 và 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn K (*tên gọi khác: Trần Văn Th*).

Xử phạt bị cáo K 07 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù về tội Tham ô tài sản, được trừ đi thời gian tạm giam 5 tháng 13 ngày, bị cáo còn phải chấp hành 7 (bảy) năm 17 (mười bảy) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam 15/7/2019.

- Căn cứ điểm d khoản 2, khoản 6 Điều 353; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 38 và 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Đức Ch, Trần Quang K2, Nguyễn Văn T, Trần Quang L, Ma Khắc V.

Xử phạt bị cáo Ch 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù về tội Tham ô tài sản, được trừ đi thời gian tạm giam 5 tháng 13 ngày, bị cáo còn phải chấp hành 06 (sáu) năm 9 (chín) tháng 17 (mười bảy) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt tạm giam 15/7/2019.

Xử phạt bị cáo T 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù về tội Tham ô tài sản, được trừ đi thời gian tạm giam 5 tháng 13 ngày, bị cáo còn phải chấp hành 06 (sáu) năm 9 (chín) tháng 17 (mười bảy) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt tạm giam 15/7/2019.

Xử phạt bị cáo K2 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù về tội Tham ô tài sản, được trừ đi thời gian tạm giam 5 tháng 13 ngày, bị cáo còn phải chấp hành 06 (sáu) năm 9 (chín) tháng 17 (mười bảy) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt tạm giam 15/7/2019.

Xử phạt bị cáo L 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù về tội Tham ô tài sản, được trừ đi thời gian tạm giam 5 tháng 13 ngày, bị cáo còn phải chấp hành 06 (sáu) năm 9 (chín) tháng 17 (mười bảy) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt tạm giam 15/7/2019.

Xử phạt bị cáo V 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù về tội Tham ô tài sản, được trừ đi thời gian tạm giam 5 tháng 13 ngày, bị cáo còn phải chấp hành 06 (sáu) năm 9 (chín) tháng 17 (mười bảy) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt tạm giam 15/7/2019.

- Căn cứ điểm d khoản 2, khoản 6 Điều 353; điểm s, u khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, các Điều 17, 38, 54, 56 và 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Văn T1.

Xử phạt bị cáo T1 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Tham ô tài sản. Tổng hợp với hình phạt 32 tháng tù cho hưởng án treo tại Bản án số: 37/2018/HSST ngày 12/6/2018 của Tòa án nhân dân thị xã C. Buộc bị cáo Lê Văn T1 phải chấp hành hình phạt chung là 09 (chín) năm 02 (hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

5. Về án phí: Các bị cáo Trần Văn K, Nguyễn Đức Ch, Trần Quang K2, Nguyễn Văn T, Trần Quang L, Ma Khắc V, Lê Văn T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị mà Hội đồng xét xử không xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 14/6/2022.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND thành phố Chí Linh;
- VKSND thành phố Chí Linh;
- Cơ quan CSĐT, HSNV, THAHS - Công an thành phố Chí Linh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại.
- Lưu: VP, Tòa Hình sự, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sơn

